

TĂNG CƯỜNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CHO CÁ NHÂN - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phương Thảo¹, Nguyễn Thị Hải Yến¹, Trần Thị Ngọc Hạnh¹,
Trần Thị Hồng Phượng²

Ngày nhận bài: 17/6/2024; Ngày phản biện thông qua: 07/8/2024; Ngày duyệt đăng: 08/8/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm khẳng định vai trò quan trọng của tài chính toàn diện (TCTD) và tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân, từ đó góp phần phát triển kinh tế, tăng trưởng bền vững. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tác giả đã tổng hợp kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới về tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân, đặc biệt đối với các nhóm yếu thế như người già, phụ nữ, người có thu nhập thấp, nhóm dân cư ở vùng sâu, vùng xa. Trên cơ sở thực trạng tại Việt Nam, tác giả đã rút ra một số bài học và đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân, gồm: lồng ghép giáo dục tài chính vào chương trình giáo dục phổ thông quốc gia; hoàn thiện khung khổ pháp lý về tài chính toàn diện tiệm cận với sự phát triển chung của thế giới và thực trạng tại Việt Nam; đa dạng hóa các hình thức tổ chức tài chính và cách thức tiếp cận dịch vụ tài chính.

Từ khoá: tài chính toàn diện, tiếp cận tài chính toàn diện, cá nhân, Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Theo Ngân hàng Thế giới (2018): “Tài chính toàn diện nghĩa là các cá nhân và doanh nghiệp có quyền truy cập vào các sản phẩm và dịch vụ tài chính chính thức, gồm các giao dịch tài chính, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm, với giá cả hợp lý và được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng”.

Liên minh Tài chính toàn diện (Alliance for Financial Inclusion – AFI) mặc dù không đưa ra định nghĩa cụ thể về tài chính toàn diện nhưng đã xác định tài chính toàn diện là một khái niệm đa chiều. AFI khuyến nghị mỗi quốc gia là duy nhất với những đặc điểm cụ thể về kinh tế, xã hội nên đưa ra khái niệm/định nghĩa riêng của mình về tài chính toàn diện gồm các khía cạnh khác nhau về khả năng tiếp cận, sử dụng, chất lượng và tác động của các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho các nhóm sử dụng cụ thể, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác (AFI, 2017).

Tài chính toàn diện và vai trò của tài chính toàn diện trong nền kinh tế bắt đầu được nghiên cứu sâu rộng từ năm 1995. Thuật ngữ “tài chính toàn diện” ngày càng trở nên phổ biến trong các nghiên cứu về phát triển ở các quốc gia, đặc biệt là các nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển trong khoảng thời gian từ 2004 đến 2022. Thuật ngữ này càng trở nên phổ biến hơn từ sau đại dịch COVID-19, đồng thời, vai trò của tài chính toàn diện được đề cập và được các quốc gia lựa

chọn là một trong những công cụ tài chính quan trọng để phục hồi nền kinh tế, bắt nguồn từ việc tăng cường tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho các nhóm yếu thế (World Bank, 2022). Khả năng phục hồi tài chính đề cập đến khả năng của người dân và doanh nghiệp phục hồi sau những cú sốc kinh tế bất lợi, chẳng hạn như mất việc làm hoặc phát sinh những khoản mục chi phí không lường trước được, mà không bị suy giảm mức sống và tài chính toàn diện cùng với mức độ tiếp cận tài chính toàn diện ở mỗi đối tượng, mỗi quốc gia góp phần quyết định đến mức độ phục hồi tài chính sau những cú sốc, ví dụ như đại dịch COVID-19 vừa qua (Breza et al, 2020; Bharadwaj et al, 2019, Bharadwaj and Suri, 2020).

Tại Việt Nam, tài chính toàn diện được chính thức nâng tầm quốc gia từ năm 2020 khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020, mục tiêu hướng đến “mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận, sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững”.

Sau 3 năm triển khai, Việt Nam đã có những nỗ lực không ngừng trong quá trình thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp mà Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đã đề ra và đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc tăng cường khả năng tiếp cận của người

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đắk Lắk;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Thảo; ĐT: 0382526363; Email: npthaoa@ttn.edu.vn.

dân và doanh nghiệp đến các sản phẩm, dịch vụ tài chính (Nguyễn Thị Hằng, 2023). Tuy nhiên, theo Ngân hàng Nhà nước (2022), quá trình tiếp cận tài chính toàn diện còn bị hạn chế đối với một bộ phận dân cư, đặc biệt là nhóm người cao tuổi, người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Do đó, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm tổng hợp những nghiên cứu của các nước trên thế giới qua các công trình đã công bố, trên cơ sở thực trạng tài chính toàn diện của Việt Nam để có thể nêu ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong quá trình tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Tài chính toàn diện và tiếp cận tài chính toàn diện

a. Tài chính toàn diện

“Tài chính toàn diện là quá trình một số tổ chức và cá nhân được tiếp cận với hệ thống tài chính chính thức” (Leyshon, 1995). Sau đó, khái niệm này được phát triển và bổ sung theo thời gian qua các nghiên cứu về lý thuyết và thực nghiệm ở các nước trên thế giới. Tài chính toàn diện có thể được định nghĩa là việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng với chi phí hợp lý cho phần lớn các nhóm có hoàn cảnh khó khăn và thu nhập thấp; hoặc một quy trình đảm bảo cho tất cả các thành viên của nền kinh tế dễ dàng tiếp cận và sử dụng một hệ thống tài chính chính thức luôn sẵn có (Sarma and Pais, 2011; Beck et al, 2000; Beck et al, 2007; Beck, et al, 2007; Chakravarty and Pal, 2013) với chi phí hợp lý, các dịch vụ tài chính được cung ứng một cách công bằng và an toàn đến mọi đối tượng (như tín dụng, tiền gửi và bảo hiểm).

Theo Ngân hàng thế giới (2022), tài chính toàn diện đề cập đến những nỗ lực của các bên liên quan nhằm làm cho các sản phẩm, dịch vụ tài chính có thể tiếp cận được và có giá cả phải chăng cho tất cả các cá nhân và doanh nghiệp trong xã hội, không phân biệt mức thu nhập hoặc quy mô doanh nghiệp. Mục đích của tài chính toàn diện là nhằm xóa bỏ các rào cản ngăn các tổ chức và cá nhân tham gia vào lĩnh vực tài chính và sử dụng các dịch vụ này để cải thiện cuộc sống của họ. Điều này bao gồm việc cung cấp quyền truy cập vào các tài khoản giao dịch, được nhấn mạnh là bước đầu tiên quan trọng để người dùng có thể tham gia/sử dụng các dịch vụ tài chính khác (gồm tiết kiệm, tín

dụng và bảo hiểm). Mục tiêu cần đạt được của tài chính toàn diện là tất cả mọi người, đặc biệt là nhóm người yếu thế bao gồm người nghèo, phụ nữ, người sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, có thể sử dụng tiền của mình một cách hiệu quả nhất và có hiểu biết về tài chính ở mức độ nhất định.

Tại Việt Nam, khái niệm tài chính toàn diện được đề cập trong “Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đó là “việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ”.

Như vậy, có thể thấy, tài chính toàn diện đã và đang được tiếp cận một cách đa chiều, vừa từ phía cung, vừa từ phía cầu, trong đó nêu rõ các dịch vụ tài chính chính thức được cung cấp, đối tượng được cung cấp cũng như chi phí, điều kiện cung cấp cần có. Tài chính toàn diện hiện nay là một vấn đề lớn trên toàn cầu, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa cơ hội kinh tế và thành tựu kinh tế bằng cách cung cấp khả năng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho các cá nhân và doanh nghiệp, đặc biệt là những người dân không có tài khoản ngân hàng, để cải thiện thu nhập hộ gia đình và giảm bất bình đẳng.

b. Tiếp cận tài chính toàn diện

Theo Ngân hàng thế giới (2022), tiếp cận tài chính toàn diện bắt đầu được xác định từ việc các cá nhân và doanh nghiệp có quyền truy cập vào tài khoản giao dịch, là bước đầu tiên để tiến tới phổ cập tài chính rộng rãi hơn vì tài khoản giao dịch cho phép người sử dụng lưu trữ tiền, gửi tiền và thực hiện các giao dịch thanh toán. Nếu truy cập vào tài khoản giao dịch đánh giá mức độ tiếp cận ở chiều rộng thì việc chuyển từ truy cập sang sử dụng tài khoản là bước tiếp theo trong quá trình tiếp cận sâu vào tài chính của người dân. Từ năm 2011 đến năm 2021, Cơ sở dữ liệu toàn cầu về tài chính (The Global Findex Database) do Ngân hàng thế giới thực hiện đã trở thành nguồn dữ liệu chính xác và đáng tin cậy cung cấp thông tin về cách thức mà người trưởng thành trên khắp thế giới sử dụng các dịch vụ tài chính, từ thanh toán đến tiết kiệm và tín dụng, quản lý các sự kiện tài chính của cá nhân như phát sinh các

khoản mục chi phí lớn hoặc giảm/mất thu nhập đột ngột, là nguồn dữ liệu quan trọng để các nhà nghiên cứu thực hiện đo lường mức độ tiếp cận tài chính toàn diện từ phía cầu, chủ yếu tập trung về các đặc điểm cá nhân của người tiếp cận tài chính toàn diện.

Cámara và Tuesta (2014) định nghĩa một hệ thống tài chính toàn diện là một hệ thống tối đa hóa việc sử dụng và tiếp cận các dịch vụ tài chính, đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất những loại trừ không mang tính tự nguyện. Trong đó, loại trừ tài chính không mang tính tự nguyện được đo lường bởi một loạt các rào cản được cảm nhận bởi những cá nhân không tham gia vào hệ thống tài chính chính thức. Do đó, cũng theo Cámara và Tuesta (2014) mức độ toàn diện của một hệ thống tài chính được xác định trên ba khía cạnh:

(i) Sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức của các cá nhân, được đánh giá theo ba chỉ số: nắm giữ ít nhất một sản phẩm tài chính, giữ tiền tiết kiệm và có một khoản vay trong một tổ chức tài chính chính thức;

(ii) Rào cản: Các rào cản đối với tài chính toàn diện, được cảm nhận bởi các cá nhân không có tài khoản ngân hàng, cung cấp thông tin về những trở ngại ngăn cản họ sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức;

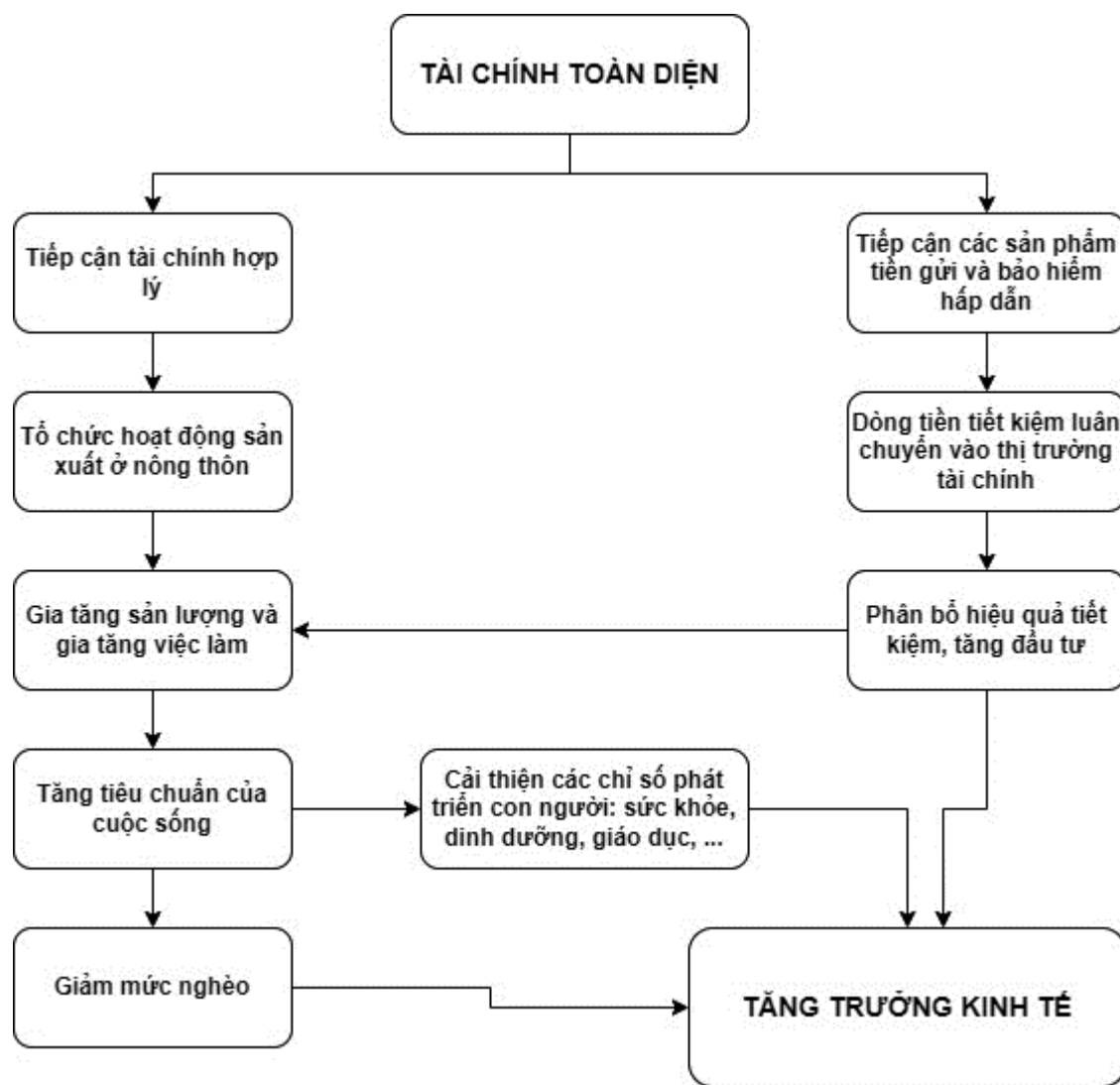
(iii) Tiếp cận: Tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức thể hiện khả năng các cá nhân sử dụng chúng. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận nhiều hơn không đồng nghĩa với việc mức độ toàn diện của tài chính được cao hơn. Khả năng tiếp cận nhiều hơn có thể nâng cao tần suất sử dụng các dịch vụ tài chính trong điều kiện các dịch vụ tài chính đủ để đáp ứng các nhu cầu của người dân. Ngoài ra, khi quyền truy cập các dịch vụ tài chính được gia tăng bởi sự đa dạng của các công ty tài chính, đồng nghĩa với việc gia tăng cạnh tranh giữa các công ty này, và kỳ vọng có thể làm gia tăng tiêu dùng các dịch vụ tài chính thông qua giá cả hợp lý hơn.

2.1.2. Vai trò của tài chính toàn diện

Tài chính toàn diện có thể dễ dàng được đo lường dựa trên khả năng tiếp cận, sử dụng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính có chất lượng (Demirgüç-Kunt and Klapper, 2012; Kim, D.-W. et al, 2018). Tài chính toàn diện đóng vai trò nhất định trong việc xóa đói giảm nghèo cùng cực và tăng cường thịnh vượng chung (Chibba, 2009; Park and Meicado Jr, 2018), đã được các cơ quan phát triển trên toàn cầu chứng minh và công nhận là một trong những công cụ chính sách quan trọng

để đạt được Tiếp cận Tài chính Toàn cầu và Mục tiêu phát triển bền vững (OECD, 2013; Robert et al 2005).

Mối liên hệ giữa tài chính toàn diện và tăng trưởng kinh tế đã được nghiên cứu, chứng minh về cả mặt lý thuyết và đã được các nhà nghiên cứu tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm trên phạm vi toàn cầu. Tài chính toàn diện được xác định là một trong những động lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Claessens and Perotti, 2007; Claessens, 2006; Erlando et al, 2020; Ozili et al, 2022; Ozili et al, 2024). Khả năng tiếp cận nhiều hơn của các doanh nghiệp và hộ gia đình đối với các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính chính thức ngày càng tăng có tác động tích cực và mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế (Sahay et al 2015). Thông qua việc tạo ra giá trị cho các doanh nghiệp nhỏ cùng với những tác động lan tỏa tích cực đến các chỉ số phát triển con người như y tế, giáo dục, giảm bất bình đẳng và nghèo đói, tài chính toàn diện đã và đang góp phần vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia (Agnello et al, 2012; Park and Mercado, 2015; Nanda and Kaur, 2016). Claessens and Perotti (2007) đã xây dựng sơ đồ minh họa mối liên hệ giữa tài chính toàn diện và tăng trưởng kinh tế. Theo đó, tài chính toàn diện có thể đóng góp vào tăng trưởng kinh tế theo 2 cách: thứ nhất, việc tiếp cận tài chính toàn diện với chi phí thấp và phải chăng sẽ làm giảm tính dễ bị tổn thương của người nghèo bằng cách cải thiện mức sống của họ; thứ hai, phổ cập tiếp cận tài chính toàn diện thông qua việc mở rộng việc tiếp cận các sản phẩm tiền gửi và bảo hiểm, ngay cả trên những đối tượng dễ bị loại trừ (người nghèo, phụ nữ,...), sẽ giúp tăng nguồn vốn cho thị trường tài chính, từ đó tăng tính thanh khoản, khuyến khích đầu tư, mang lại nhiều sản lượng và việc làm cho nền kinh tế, cải thiện việc phân phối và phân phối lại thu nhập cho người nghèo.



Hình 1. Tài chính toàn diện và tăng trưởng kinh tế

Nguồn: Claessens and Perotti, 2007.

Sethi và Acharya (2018) đã tìm thấy mối quan hệ tích cực và lâu dài giữa tài chính toàn diện và tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế đang phát triển và phát triển, đồng nghĩa với khẳng định rằng tài chính toàn diện là yếu tố quan trọng quyết định tăng trưởng kinh tế. Tài chính toàn diện có mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp đến các mục tiêu phát triển khác như xoá đói giảm nghèo, ổn định hệ thống tài chính, tăng trưởng doanh nghiệp, sức khỏe tinh thần và bình đẳng giới. Tài chính toàn diện có tác động tích cực đến sự phát triển con người về cả mặt thể chất lẫn tinh thần (Matekenya et al, 2021; Immurana et al, 2021) và việc tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện (bao gồm tăng mức độ sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính có tích hợp công nghệ, tiếp cận tài khoản tín dụng và tiền gửi) giúp giảm đáng kể tỷ lệ nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập ở các quốc gia đang phát triển, cải thiện phúc lợi của những người thuộc các nhóm bị thiệt thòi trong xã hội (Abor et al, 2018; Ouechtati, 2020;

Omar and Inaba, 2020).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt các nội dung bài báo. Nguồn tài liệu chủ yếu được thu thập qua các nghiên cứu và tạp chí có liên quan đến tài chính toàn diện. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tác giả đã tổng hợp, phân tích và viết bài báo.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về tiếp cận tài chính toàn diện và tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân

a. Tiếp cận tài chính toàn diện và tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân ở các quốc gia trên thế giới

Tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân là một thách thức nhiều mặt, đòi hỏi sự kết hợp giữa các phương pháp tiếp cận và sáng

kiến. Trên cơ sở nhận diện vai trò quan trọng của tài chính toàn diện đối với tăng trưởng kinh tế và những lợi ích mà nó mang lại đối với người dân, các tổ chức và các quốc gia trên thế giới đã có những nỗ lực cụ thể nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện nói chung và tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân nói riêng thông qua các cam kết và chương trình trên phạm vi toàn cầu.

Với sự hỗ trợ của Quỹ Bill & Melinda Gates, Liên minh tài chính toàn diện (Alliance for Financial Inclusion - AFI) là một liên minh toàn cầu ra đời năm 2008 với mục tiêu thúc đẩy các chính sách Tài chính toàn diện trên toàn thế giới, trong đó có mục tiêu hỗ trợ các quốc gia lồng ghép các mục tiêu và hoạt động liên quan đến giới trong Chiến lược Tài chính Toàn diện Quốc gia.

Tại Hội nghị thượng đỉnh G20 năm 2010 được tổ chức ở Seoul, Hàn Quốc, các Nhà lãnh đạo G20, đã công nhận tài chính toàn diện là một trong những trụ cột chính của chương trình nghị sự phát triển toàn cầu, đã thông qua Kế hoạch hành động tài chính toàn diện cụ thể. Để thực hiện kế hoạch hành động tài chính toàn diện G20, nhóm “Quan hệ đối tác toàn cầu về tài chính toàn diện – GPFI” và Nhóm chuyên gia tài chính toàn diện FIEG được tuyên bố thành lập tại hội nghị này. GPFI là cơ chế thực hiện chính của kế hoạch hành động đã được các Nhà lãnh đạo G20 thông qua trong Hội nghị thượng đỉnh Seoul và hoạt động như một nền tảng toàn diện cho các quốc gia G20, các quốc gia ngoài G20 và các bên liên quan để học hỏi lẫn nhau, chia sẻ kiến thức, vận động và điều phối chính sách. Từ năm 2010 cho đến nay, hàng năm tại mỗi kỳ Hội nghị thượng đỉnh, Báo cáo GPFI đều được định kỳ ban hành với những kế hoạch hành động cụ thể cho lĩnh vực tài chính toàn diện. Kế hoạch hành động tài chính toàn diện (FIAP) năm 2023 của GPFI tái khẳng định cam kết của các nhà lãnh đạo G20 trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia và mọi người, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương và chưa được phục vụ đầy đủ. Đồng thời FIAP đã đưa ra kế hoạch hành động tài chính toàn diện cho giai đoạn 2024 – 2026 là ưu tiên hai lĩnh vực: (i) tài chính kỹ thuật số; (ii) cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, trong đó nhấn mạnh vấn đề an toàn trong tài chính toàn diện, thúc đẩy các dịch vụ tài chính để tiếp cận và giá cả phải chăng cho phụ nữ và các nhóm chưa được phục vụ khác.

Năm 2015, 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) đã được các nhà lãnh đạo thế giới chính thức thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp quốc về “Chuyển đổi thế giới của chúng ta:

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”. Trong đó, Liên Hợp quốc đặt ra mục tiêu đầu tiên phải đạt được là “Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi”, cụ thể, đến năm 2030 các quốc gia phải cam kết bảo đảm rằng tất cả phụ nữ có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế cũng như có khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, trong đó có các dịch vụ tài chính. Để thực hiện được mục tiêu nêu trên, cần tạo lập các khung chính sách hợp lý ở cấp quốc gia, khu vực và quốc gia phù hợp dựa trên các chiến lược phát triển (UNDP, 2015). Hàng năm, Báo cáo tiến độ thực hiện SGD được công bố trên cơ sở khung chỉ số toàn cầu và dữ liệu do hệ thống thông kê quốc gia cùng với các thông tin khảo sát. Theo Báo cáo SDG 2024 (UN, 2024), mặc dù khả năng tiếp cận tài chính toàn diện trên toàn cầu đã tăng lên từ năm 2015 nhưng phương thức tiếp cận đã có nhiều sự thay đổi trong những năm gần đây. Cụ thể, đại dịch COVID-19 đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ tiếp cận trực tiếp tại các cây ATM, điểm giao dịch, chi nhánh ngân hàng sang tiếp cận tài chính kỹ thuật số.

Ngân hàng thế giới (World Bank - WB) trong thời gian qua là một tổ chức đã và đang nỗ lực thúc đẩy tài chính toàn diện trên phạm vi toàn cầu với những mục tiêu được đặt ra trong sáng kiến về Tiếp cận tài chính toàn cầu (Universal Financial Access – UFA) năm 2013, cụ thể: “Người trưởng thành trên toàn thế giới sẽ có thể truy cập vào tài khoản hoặc công cụ điện tử để lưu trữ tiền một cách an toàn, gửi thanh toán và nhận tiền gửi như một nền tảng cơ bản để quản lý tài chính cá nhân của họ vào năm 2020 nhờ vào công nghệ mới, các mô hình kinh doanh chuyển đổi và những cải cách chính sách liên quan” (World Bank, 2021). Trong báo cáo Tiếp cận tài chính toàn cầu – Những bài học cho tương lai được WB đưa ra năm 2021, một số khuyến nghị được đưa ra gồm: (1) Việc hoạch định chính sách một cách sáng suốt hết sức quan trọng cho việc triển khai cụ thể những hành động tiếp theo trên cơ sở thu thập dữ liệu về tài chính toàn diện về cả phía cung và phía cầu cần được nỗ lực tiếp tục; (2) Dữ liệu phân tách theo giới tính là công cụ quan trọng để thực hiện thành công các hành động; (3) Cần tiếp tục nỗ lực hướng tới sự tham gia tài chính của phụ nữ để thu hẹp khoảng cách giới; (3) Cần tập trung vào việc cải thiện việc sử dụng tài khoản; (4) Đảm bảo và duy trì sự phát triển của thanh toán kỹ thuật số; (5) Bảo trợ xã hội và tài chính toàn diện có tính bổ sung cho nhau, nên tận dụng các khoản thanh toán của chính phủ để người dân tiếp cận tài chính bền vững; (6) Cần tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân ở nông thôn (World Bank, 2021). Global

Findex do WB phát triển được đánh giá là cơ sở dữ liệu toàn diện nhất về phổ cập tài chính, dựa trên cuộc phỏng vấn với trên 150.000 người dân từ 15 tuổi trở lên ở 148 quốc gia trên thế giới, thực hiện 3 năm/lần từ 2011 đến nay. Findex cung cấp dữ liệu chuyên sâu về cách thức các cá nhân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính ngân hàng, tập trung vào tiết kiệm, vay mượn, thanh toán và quản lý rủi ro. Các dữ liệu được tổng hợp và phân tích tổng thể, theo các nhóm khác nhau như người nghèo, thanh niên và phụ nữ (The Global Findex Database, 2024). Cơ sở dữ liệu Findex toàn cầu 2021 cho thấy khoảng cách trong khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính giữa nam và nữ lần đầu tiên giảm xuống 4 điểm phần trăm trong thập kỷ qua. Trên toàn thế giới, 78% nam giới hiện có tài khoản, so với 74% phụ nữ (Leora Klapper et al, 2021). Ở các nền kinh tế đang phát triển, khoảng cách có phần lớn hơn ở mức 6 điểm phần trăm (74% nam giới có tài khoản so với 68% nữ giới) (Demirgüç-Kunt et al, 2022). Tuy nhiên, bất chấp xu hướng chung hướng tới việc thu hẹp khoảng cách giới tính ở các nền kinh tế đang phát triển, các rào cản như thiếu giấy tờ tùy thân hoặc điện thoại di động, khoảng cách từ chi nhánh ngân hàng và khả năng tài chính thấp vẫn tiếp tục cản trở khả năng tham gia vào hệ thống tài chính chính thức của phụ nữ. Những rào cản này cũng có thể góp phần dẫn đến thực tế là khả năng phục hồi tài chính

của phụ nữ ở mức độ thấp - nghĩa là họ không thể dễ dàng kiếm được tiền để giải quyết trường hợp khẩn cấp trong vòng 30 ngày. Các chương trình nhằm mở rộng tài chính toàn diện thông qua số hóa thanh toán bằng tiền mặt có thể giúp tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng tài chính theo cách cải thiện cuộc sống của phụ nữ. Cơ sở dữ liệu Findex toàn cầu năm 2021 (Demirgüç-Kunt et al, 2022) cũng cho thấy bức tranh về tài chính toàn diện nói chung và tiếp cận tài chính toàn diện của nữ giới nói riêng thông qua các đặc điểm sau:

(i) Tiền di động đang góp phần thu hẹp khoảng cách giới tính tại Châu Phi cận Sahara và một số nơi khác;

(ii) Phụ nữ đã bắt đầu nhận thức và đấu tranh để đạt được mức độ tự tin về tài chính trong quản lý tài chính hộ gia đình;

(iii) Số hóa các giao dịch tiền mặt mang lại cơ hội thu hẹp khoảng cách giới trong việc tiếp cận và sử dụng.

b. Kinh nghiệm về tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân tại một số nước trên thế giới

Các quốc gia trên thế giới thời gian qua cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong quá trình tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân. Bảng 1 được tác giả tổng hợp cách thức triển khai và những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện của một số nước trên thế giới.

Bảng 1. Các biện pháp tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân tại một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm

Tên quốc gia/ khu vực lãnh thổ	Biện pháp tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện	Kết quả	Bài học kinh nghiệm	Nguồn
Khu vực Đông Phi	Đối tượng tập trung: phụ nữ nghèo cùng cực. Phát triển các kỹ năng và hoạt động sinh kế, xây dựng khoản tiết kiệm và cung cấp các cách thức thoát nghèo bền vững thông qua các dịch vụ tài chính kỹ thuật số.	Phụ nữ tham gia đã mở rộng tiết kiệm và chi tiêu, cải thiện dinh dưỡng cho bản thân và con cái, tăng quyền ra quyết định về việc sử dụng thu nhập của gia đình và cá nhân.	Những hạn chế có thể làm giảm khả năng sử dụng hiệu quả các sản phẩm tài chính kỹ thuật số: trình độ đọc viết, tính toán và mức độ quen thuộc với công nghệ di động thấp ở phụ nữ khiến họ phải phụ thuộc vào những cá nhân khác trong gia đình để thực hiện các kỹ thuật (đối với họ là phức tạp) của dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Các phương pháp thiết kế lấy con người làm trung tâm có thể được sử dụng để cải thiện mức độ phù hợp và tiện ích của công nghệ kỹ thuật số đối với những người chưa biết chữ. Dịch vụ tiết kiệm kỹ thuật số nên là sản phẩm bổ sung hơn là sản phẩm thay thế cho dịch vụ tiết kiệm truyền thống bằng tiền mặt hoặc vật nuôi.	Sarah Hendriks (2019)

Kenya, Tanzania và Uganda	Tăng cường sử dụng bằng cách điều chỉnh các sản phẩm tài chính phù hợp với sở thích và nhu cầu của phụ nữ, như những sản phẩm tiết kiệm kém thanh khoản hoặc hạn chế khả năng tiếp cận (tăng chi phí rút tiền hoặc bổ sung các điều khoản ràng buộc khi rút tiền) của những thành viên khác trong gia đình nhằm nâng cao quyền kiểm soát của phụ nữ.	Mức độ sử dụng các sản phẩm tài chính gia tăng.	<p>Các sản phẩm tài chính cần mang lại sự an toàn cho phụ nữ bằng cách nâng cao tính riêng tư của sản phẩm nhằm đảm bảo tính bí mật về thu nhập của họ trong gia đình. Điều này được nhấn mạnh là đặc biệt quan trọng vì đặc thù chuẩn mực giới tính và quan hệ quyền lực trong gia đình không bình đẳng.</p> <p>Phụ nữ ưa thích những sản phẩm tài chính kém thanh khoản vì đó như một cơ chế vô hình giúp họ bảo vệ tiền khỏi các nhu cầu trong nội bộ hoặc giữa các hộ gia đình.</p> <p>Những rào cản từ phía nữ giới khi tham gia vào các dịch vụ tài chính kỹ thuật số: sợ mắc sai lầm, lo ngại mức phí cao trong hệ thống di động, thiếu kiến thức sử dụng dịch vụ ngân hàng di động.</p>	Brune et al (2015); Dupas and Robinson (2013)
Ấn Độ	<p>Khuyến khích phụ nữ mở, duy trì tài khoản ngân hàng và tham gia vào các dịch vụ tài chính khác bằng cách chuyển khoản lợi ích trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của người nhận, gồm các khoản trợ cấp nông nghiệp và phi nông nghiệp, các khoản thanh toán bảo trợ xã hội như lương hưu và các chương trình phúc lợi công cộng, học bổng, học bổng học thuật, chuyển tiền mặt và một số khoản thanh toán khác của chính phủ.</p> <p>Những hỗ trợ tích cực từ phía chính phủ:</p> <p>(1) Về mặt tài chính: năm 2007 - 2008, Ấn Độ thành lập Quỹ Tài chính toàn diện và Quỹ Công nghệ tài chính toàn diện với mục đích đáp ứng chi phí ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình phổ cập tài chính toàn diện, chi trả cho việc phổ cập kiến thức tài chính cho người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế.</p> <p>(2) Về mặt công nghệ: Trên cơ sở được hỗ trợ về mặt tài chính từ các quỹ, hệ thống nhận dạng quốc gia dựa trên sinh trắc học được xây dựng nhằm cấp hồ sơ nhận dạng cá nhân, thực hiện trực tuyến và kiểm chứng bằng kỹ thuật số. Hệ thống này hỗ trợ người dân mở tài khoản ngân hàng trực tuyến, nhanh chóng, một số ngân hàng thực hiện định danh cho khách hàng qua cuộc gọi video.</p>	Đảm bảo và tăng quyền kiểm soát của phụ nữ đối với tài khoản ngân hàng nói riêng và tiền của họ nói chung; tăng khả năng tham gia vào lực lượng lao động; năng động hơn về mặt tài chính; cải thiện sức khỏe tinh thần và thể chất.	<p>Chỉ có sự tham gia của các ngân hàng khu vực công, ít có sự tham gia của các ngân hàng khu vực tư nhân.</p> <p>Một số rào cản hạn chế khả năng tiếp cận tài chính của phụ nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tiếp cận vật lý với các điểm giao dịch ngân hàng đối với phụ nữ vùng sâu, vùng xa bị hạn chế; - Chi phí về thời gian, tiền trong quá trình di chuyển đến các điểm giao dịch của ngân hàng; - Vấn đề lợi nhuận của các điểm giao dịch ngân hàng ở vùng sâu, vùng xa khi phục vụ lượng khách hàng ở nông thôn với thu nhập thấp <p>- Mù chữ và kém hiểu biết về tài chính</p> <p>Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình đào tạo và hỗ trợ tại chỗ tại các điểm giao dịch ngân hàng cho những phụ nữ đến tiếp cận với các dịch vụ tài chính mà ngân hàng đó cung cấp; - Thực hiện cung cấp thông tin về các giao dịch ngân hàng thông qua các cuộc gọi phản hồi bằng giọng nói tương tác đơn giản, dễ hiểu tới chủ tài khoản 	Ashwini Sahu and Credit Suisse, (2011); R a s h i Sabherwal et al (2019); C l a u s C h r i s t e n s e n (2020)

P a p u a N e w Guinea	<p>- Phát triển dịch vụ tài chính kỹ thuật số bằng cách sử dụng cách thức chuyển khoản lợi ích trực tiếp vào tài khoản di động nhằm giảm chi phí ở mức tối thiểu đối với các dịch vụ này và khai thác tối đa khách hàng là phụ nữ nhằm giúp họ tiết kiệm thời gian, chi phí;</p> <p>- Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm toàn diện;</p> <p>- Tập trung mở rộng cập nhật tài chính và giáo dục tài chính cho người dân ở nông thôn, người có thu nhập thấp thông qua các tổ chức tài chính và các tổ chức phi tài chính;</p> <p>- Bảo vệ người tiêu dùng tài chính bằng cách tạo ra sân chơi công bằng, bình đẳng giữa các nhà cung cấp và người tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ tài chính</p>	Tạo cơ hội tiếp cận tài chính cho thêm 2 triệu người có thu nhập thấp, trong đó có 50% là phụ nữ.	Centre for Ex- cellence in Fi- nancial Inclusion (2018)	
Nigeria	<p>Ưu tiên cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho phụ nữ: Ngân hàng Trung ương Nigeria đã thành lập một số nhóm làm việc với “các biện pháp can thiệp đặc biệt”: các khoản vay được giải ngân thông qua Quỹ Phát triển Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa sẽ được chuyển đến phụ nữ hoặc các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; ưu tiên tuyển dụng nhân viên trong các ngân hàng tài chính vì mô là phụ nữ.</p>		G r a d - s t e i n , H e l e n L u s k i n e t a l (2018)	
Brazil	<p>Mô hình đại lý ngân hàng được triển khai năm 1999. Mô hình này giúp khách hàng ở mọi nơi được tiếp cận với một số dịch vụ ngân hàng: mở tài khoản, nhận thẻ tín dụng, mua cổ phần các quỹ tương hỗ thông qua việc gửi hồ sơ để các đại lý chuyển tiếp, nộp hồ sơ vay vốn thông qua đại lý, yêu cầu đại lý nhận và chuyển khoản thanh toán.</p>	<p>Từ năm 1999 đến năm 2011, có thêm 13 triệu người dân được tiếp cận với các dịch vụ tài chính, có hơn 160.000 đại lý ngân hàng được thành lập trên khắp cả nước, rào cản địa lý được dần dần xóa bỏ trong quá trình tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng.</p>	<p>Cơ chế giám sát của Ngân hàng Trung ương Brazil: không can thiệp vào mô hình kinh doanh trên những khía cạnh như công nghệ, thù lao hoặc dịch vụ độc quyền. Ngân hàng Trung ương Brazil cho phép tất cả các tổ chức tài chính thuộc sự quản lý của mình được thuê đại lý tại bất kỳ nơi nào trong nước, nhưng quy định và giám sát về: các dịch vụ mà đại lý có thể cung cấp, hướng dẫn cụ thể về hợp đồng giữa đại lý và tổ chức tài chính, yêu cầu báo cáo định kỳ.</p>	M i n h K h ô i (2018)

3.2. Bài học cho Việt Nam về tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân

a. Thực trạng tiếp cận tài chính toàn diện cho cá nhân tại Việt Nam

Thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện mức độ phổ cập của tài chính toàn diện bằng việc xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện; hoàn thiện các cơ chế chính sách nhằm bảo vệ người tiêu dùng tài chính, tăng cường mức độ an toàn tài chính. Chiến lược Tài chính toàn diện của Việt Nam lần đầu tiên được ban hành (Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ) với mục tiêu tổng quát: Mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững; Phần đầu đến cuối năm 2025, ít nhất 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tại các tổ chức được phép khác, tiến đến mục tiêu mỗi người trưởng thành có ít nhất một tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tại các tổ chức được phép khác vào năm 2030, ít nhất 50% tổng số xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính, ít nhất 25 - 30% người trưởng thành gửi tiết kiệm tại tổ chức tín dụng, số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tốc độ tăng 20 - 25% hàng năm. Để đạt được mục tiêu đề ra, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực phối hợp với các Bộ, ban ngành có liên quan triển khai hàng loạt các giải pháp quan trọng góp phần tăng cường khả năng tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân như: Ban hành bổ sung cho phép mở tài khoản thanh toán cá nhân bằng phương thức điện tử (Thông tư 16/2020/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile – Money) trên phạm vi toàn quốc (Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Bên cạnh đó, NHNN còn thực hiện nhiệm vụ truyền thông giáo dục tài chính trong Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia bằng cách phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam đã và đang sản xuất hàng loạt các chương trình trò chơi trên truyền hình như “Đồng tiền thông thái”, “Tay hòm chìa khóa”, phối hợp với Báo Tuổi trẻ thực hiện chương trình “Ngày không tiền mặt”, xây dựng chuyên mục “Tư vấn tài chính”; phối hợp với các trường học tổ chức cuộc thi “Hiểu đúng về tiền”, “Hiểu biết về tài chính” dành cho học sinh, sinh viên; đẩy mạnh truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội, phối hợp với các đơn vị liên quan

xây dựng fanpage *Giáo dục tài chính* với những hình ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ hóa minh họa các kiến thức tài chính, ngân hàng một cách đơn giản, dễ hiểu, giới thiệu đến người dân các sản phẩm, dịch vụ tài chính, phổ biến đến người dân các kỹ năng về an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM). Đề án phát triển Phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ cũng đã và đang được toàn ngành ngân hàng triển khai đồng bộ. Khuôn khổ pháp lý về TTKDTM không ngừng được hoàn thiện nhằm tạo hành lang pháp lý cơ bản, vững chắc, thúc đẩy thanh toán không tiền mặt gắn với đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tài chính. Hạ tầng tài chính phục vụ TTKDTM cũng được nhà nước quan tâm đầu tư trong thời gian qua, cụ thể: hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử được nâng cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng tiện ích, nâng cao năng lực xử lý.

Về phía cung, các tổ chức tài chính chính thức tiếp tục phát triển mạng lưới cùng với việc đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ tài chính, đa dạng hóa các kênh phân phối trên phạm vi cả nước, trong đó chú trọng phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ những nhóm yếu thế (người nghèo, phụ nữ, người dân vùng sâu, vùng xa) và cải thiện cách thức tiếp cận bằng cách sử dụng các nền tảng ứng dụng công nghệ số với nhiều tiện ích phù hợp với nhu cầu và trình độ hiểu biết tài chính của người tiêu dùng.

Nhìn chung, Việt Nam có mức độ tài chính toàn diện ở mức trung bình và có cải thiện trong giai đoạn từ 2010 đến 2020 nhưng vẫn thấp hơn so với mức trung bình của các nước Asean (Nguyễn Thị Hải Yến, 2021).

Theo Ngân hàng Nhà nước (2022), tính đến cuối tháng 12/2022, toàn hệ thống ngân hàng tại Việt Nam đã có 82 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet, đạt hơn 1.400 triệu giao dịch với tổng giá trị hơn 55 triệu tỷ đồng, 52 ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động với gần 5.000 triệu giao dịch, tương ứng khoảng hơn 48 triệu tỷ đồng; hơn 87 triệu tài khoản đang hoạt động và khoảng 18,6 triệu thẻ được mở bằng phương thức điện tử e-KYC bởi 27 ngân hàng và 22 tổ chức phát hành thẻ. Ngoài các tổ chức tài chính là ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam còn cấp phép cho 48 tổ chức không phải là ngân hàng được cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và 03 doanh nghiệp viễn thông được cấp giấy phép triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money,

đây là điều kiện tốt để người dân có thể tiếp cận với tài chính số mọi lúc, mọi nơi. Những đơn vị này đã thiết lập được hơn 8.800 điểm kinh doanh trên khắp cả nước, hơn 15.000 đơn vị chấp nhận thanh toán, gần 3 triệu tài khoản Mobile Money được mở, đạt hơn 19 triệu giao dịch tương ứng khoảng 1.268 tỷ đồng. Kết quả năm 2022, tăng trưởng thanh toán qua kênh Mobile tăng 139,3% về số lượng và 106,5% về giá trị; qua phương thức QR code tăng 225,4% về số lượng và 243,9% về giá trị; 74,63% người trưởng thành ở Việt Nam đã có tài khoản thanh toán tại ngân hàng. Hệ sinh thái số, thanh toán số tại Việt Nam đã được thiết lập, là tiền đề quan trọng để dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ khác được kết nối. Bên cạnh đó, các chỉ số TTKDTM liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2021 – 2023: số lượng giao dịch thanh toán qua kênh Internet và Mobile bình quân trong giai đoạn này lần lượt tăng trưởng ở mức 52% và 103,3%; tăng trưởng về số lượng và giá trị thanh toán qua phương thức QR Code đạt hơn 170%. Tính đến 31/12/2023, Việt Nam có hơn 182 triệu tài khoản thanh toán cá nhân và 87,08% người trưởng thành sở hữu tài khoản thanh toán, 40 ngân hàng đã triển khai chính thức mở tài khoản qua phương thức eKYC với gần 35 triệu tài khoản thanh toán mở bằng eKYC đang hoạt động (Ngân hàng Nhà nước, 2023).

Mặc dù Việt Nam đã và đang có nhiều nỗ lực trong quá trình tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện cho người dân, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế liên quan đến vấn đề này và cần được giải quyết trong thời gian tới:

(i) Các sản phẩm tài chính số chưa tiếp cận được đến nhóm yếu thế tại khu vực nông thôn Việt Nam, cụ thể là những người có trình độ học vấn thấp hoặc có thu nhập thấp (Đào Mỹ Hằng, 2022); Tỷ lệ phụ nữ không được tiếp cận với các sản phẩm tài chính vẫn còn cao trong khi nhu cầu vay vốn, tài khoản tiết kiệm;

(ii) Người dân tại khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn mặc dù có nhu cầu sử dụng các dịch vụ tài chính nhưng còn e ngại với dịch vụ tiền di động nói riêng và tài chính số nói chung vì lý do liên quan đến những rủi ro có thể gặp phải trong việc bảo mật thông tin khách hàng (Trần Thanh Thu và Đào Hồng Nhung, 2020; Nguyễn Thị Hoài Thu và cộng sự, 2023). Bên cạnh đó, trình độ học vấn thấp cũng ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tiếp cận tài chính toàn diện của người dân (Chu Khánh Lân và cộng sự, 2018; Ông Nguyễn Chương, 2020; Nguyễn Thị Hoài Thu và cộng sự, 2023); Mặt khác, còn thiếu các sản phẩm, dịch vụ tài chính đặc thù, tiện lợi và chi phí thấp khiến cho người

dân ở các khu vực này còn e ngại;

(iii) Hoạt động bảo vệ người tiêu dùng tài chính ở Việt Nam còn khá sơ sài. Việt Nam chỉ đáp ứng được 2/6 tiêu chí đánh giá hoạt động bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính, gồm: có cơ quan quản lý khiếu nại và có hỗ trợ khách hàng bằng đường dây nóng, 4/6 tiêu chí chưa được ghi nhận áp dụng tại Việt Nam gồm: phổ cập các chương trình về rủi ro tiêu dùng, xử lý trực tiếp khiếu nại, nhận báo cáo khiếu nại từ các tổ chức tài chính và kiểm soát chất lượng phục vụ (Hoàng Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Vân, 2020). Các nội dung mang tính bảo vệ người tiêu dùng tài chính bên cạnh việc quy định chung tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, các quy định cụ thể hiện được quy định rải rác tại các luật chuyên ngành, như Luật các Tổ chức Tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung) đối với dịch vụ ngân hàng, Luật Chứng khoán 2019 đối với dịch vụ chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 (sửa đổi, bổ sung), do đó, vẫn tồn tại những khoảng trống nhất định trong thực thi, bảo vệ người tiêu dùng tài chính (Phạm Minh Tú, 2022).

b. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trên cơ sở thực trạng tiếp cận tài chính toàn diện tại Việt Nam nói chung, đối với nữ giới nói riêng và một số kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, tác giả xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất: Giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết tài chính cho người dân, ưu tiên nhóm người yếu thế gồm người nghèo, người có thu nhập thấp, người có trình độ thấp và phụ nữ, đưa Giáo dục Tài chính thành chiến lược quốc gia với 2 mục tiêu chính: (i) Bảo vệ người tiêu dùng tài chính, và (ii) Nâng cao hiểu biết của người dân đối với các sản phẩm tài chính (Nguyễn Thị Phương Thảo, 2022). Giáo dục tài chính được đánh giá có tác động kép khi vừa thúc đẩy tài chính toàn diện và giảm bớt các tác động tiêu cực mà tài chính số có thể mang lại cho người dân, đặc biệt đối với nhóm người yếu thế (OECD, 2016; Yoshino et al, 2017; Ozili, 2018). Cụ thể:

- Chương trình giáo dục tài chính cần được lồng ghép vào chương trình giáo dục phổ thông quốc gia nhằm đưa kiến thức tài chính là một trong những kiến thức căn bản cần có của mọi người dân, từ đó nâng cao mặt bằng chung hiểu biết tài chính của người dân;

- Mở rộng đối tượng của các chương trình giáo dục tài chính, ưu tiên hướng đến người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ, ...; Kết hợp lồng ghép chương trình phổ cập kiến thức tài chính với

các chương trình an sinh xã hội, phối hợp với các tổ chức hiệp hội, nghề nghiệp (Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,...).

Thứ hai: Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro trong giao dịch tài chính, mở rộng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng tài chính trong quá trình ra quyết định sử dụng (Phạm Minh Tú, 2023; Bùi Hữu Toàn, 2023).
Cụ thể:

- Xây dựng các quy định, luật riêng đối với vấn đề bảo vệ người tiêu dùng tài chính tiệm cận với các thông lệ quốc tế theo khuyến cáo của World Bank (2017), OECD và G20 (2011);

- Quy định cơ quan chuyên trách với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng tài chính;

- Hoàn thiện các cơ chế giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài chính nói riêng.

Thứ ba: Phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng, kênh phân phối cùng với việc phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức hiện có. Các tổ chức tài chính vi mô và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thời gian qua đã cho thấy hiệu quả hoạt động của mình hướng đến nhóm yếu thế trong xã hội, trong đó có phụ nữ thông qua Hội phụ nữ các cấp. Nhằm phát huy hiệu quả hoạt động, các tổ chức này cần phát huy hơn nữa vai trò của mình thông qua việc phát triển các kênh phân phối, đa dạng cách thức tiếp cận dịch vụ. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các ngân hàng thương mại phát triển mạng lưới giao dịch tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa như mô hình ngân hàng đại lý nhằm gỡ bỏ những rào cản về địa lý tại những vùng này (Minh Khôi, 2018; Lương

Xuân Minh, Nguyễn Thị Thu Trang, 2021).

Thứ tư: Trên cơ sở thực hiện đồng bộ những giải pháp nêu trên, các tổ chức tài chính chính thức cần nỗ lực hơn nữa trong việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ nhưng phải đảm bảo tiêu chí an toàn, bảo mật, đơn giản, dễ tiếp cận và càng giảm thiểu các rào cản càng tốt (Ví dụ: không cần phải có điện thoại thông minh hay đường truyền Internet tốc độ cao) để mọi người dân có thể tiếp cận.

4. KẾT LUẬN

Tài chính toàn diện đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế và thực hiện các mục tiêu chiến lược của Liên Hợp quốc về tăng trưởng bền vững. Việt Nam đang trong quá trình thực hiện Chiến lược quốc gia về Tài chính toàn diện và đã gặt hái được một số thành quả nhất định. Tuy nhiên, để khẳng định sự quan tâm và ưu tiên chính sách đối với công tác Tài chính toàn diện nói chung và tăng cường tiếp cận tài chính toàn diện nói riêng đối với cá nhân, đặc biệt là nhóm người yếu thế (người nghèo, phụ nữ, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn), Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước cần có những biện pháp mạnh mẽ, cụ thể hơn nữa nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạch định các chiến lược, giải pháp đối với vấn đề này. Trên cơ sở thực trạng tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, một số khuyến nghị được đưa ra như: lồng ghép giáo dục tài chính vào chương trình giáo dục phổ thông; xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý về tài chính, cung ứng các dịch vụ tài chính; đa dạng hóa mạng lưới cung ứng, kênh phân phối; phát triển và phát huy vai trò của các tổ chức tài chính vi mô; phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý; phát triển các dịch vụ tài chính trên di động.

INCREASING FINANCIAL INCLUSION ACCESS FOR INDIVIDUALS – INTERNATIONAL EXPERIENCE AND LESSONS FOR VIETNAM

Nguyen Thi Phuong Thao¹, Nguyen Thi Hai Yen¹, Tran Thi Ngoc Hanh¹,
Tran Thi Hong Phuong²

Received Date: 17/6/2024; Revised Date: 07/8/2024; Accepted for Publication: 08/8/2024

ABSTRACT

The study was conducted to affirm the important role of comprehensive finance and increase comprehensive financial access for individuals, thereby contributing to economic development and sustainable growth. Using the document research method, the author has compiled experiences from countries around the world on increasing comprehensive financial access for individuals, especially for disadvantaged groups such as the elderly, women, and low-income people, and population groups in remote areas. Based on the current situation in Vietnam, the author has drawn a number of lessons and made several recommendations to increase comprehensive financial access for individuals, including: integrating financial education into the program, national general education; perfecting the legal framework for comprehensive finance in line with the general development of the world and the current situation in Vietnam; diversifying forms of financial institutions and ways to access financial services.

Keywords: *comprehensive finance, comprehensive financial access, individuals, Vietnam*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hữu Toàn (2023). *Khung pháp lý về bảo vệ người tiêu dùng tài chính tại Việt Nam - Thực trạng và một số khuyến nghị chính sách*. Truy cập tại https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV562809&rightWidth=0%25¢erWidth=80%25&_afLoop=29804456030316023#%40%3F_afLoop%3D29804456030316023%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV562809%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dle8y95x59_9 ngày 04/09/2023
- Chính phủ (2020). *Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*
- Chính phủ (2021). *Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 về việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile – Money trong 2 năm tính từ ngày 09/3/2021 trên phạm vi toàn quốc*
- Chu Khánh Lân, Nguyễn Minh Phương, Trương Hoàng Diệp Hương (2019). Các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính bao trùm: bằng chứng mới từ phân tích dữ liệu bảng. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 261 (03/2019), 2 – 11.
- Hoàng Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Vân (2020). Bảo vệ người tiêu dùng tài chính tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 218 – tháng 7/2020
- Minh Khôi (2018). *Ngân hàng đại lý: Mô hình thúc đẩy tài chính toàn diện* Truy cập tại https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/tbnh/tbnh_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV353913&rightWidth=0%25¢erWidth=80%25&_afLoop=29288860220816466#%40%3F_afLoop%3D29288860220816466%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV353913%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D8lz75om7q_9 ngày 04/9/2023
- Ngân hàng Nhà nước (2020). *Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán*
- Nguyễn Thị Hải Yến (2021). Tài chính toàn diện - nhận diện vị trí Việt Nam trong khu vực Asean. Truy cập tại <https://thitruongtaichinhvientien.vn/tai-chinh-toan-dien-nhan-dien-vi-tri-viet-nam-trong-khu-vuc->

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²The State bank of Vietnam, Dak Lak Branch;

Corresponding author: Nguyen Thi Phuong Thao; Tel: 0382526363; Email: ntpthaoa@ttn.edu.vn.

- asean_37483.html#:~:text=Qua%20s%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20t%C3%ADnh%20to%C3%A1n,n%C3%A2ng%20l%C3%AAn%20m%E1%BB%A9c%20trung%20b%C3%ACnh ngày 04/9/2023
- Nguyễn Thị Hằng (2023). Thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 14 (5/2023). Truy cập tại <https://kinhtevadubao.vn/thuc-day-tai-chinh-toan-dien-tai-viet-nam-27825.html> ngày 18/7/2024
- Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Minh Thuỳ, Phạm Đức Hải (2023). Đánh giá tác động của dịch vụ tiền di động đến sự phát triển của tài chính toàn diện tại Việt Nam và một số khuyến nghị. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 255 (8/2023), Doi: 10.59276/TCKHDT.2023.08.2547
- Nguyễn Thị Phương Thảo (2022). Giáo dục tài chính và nâng cao hiểu biết tài chính cho người dân - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia “Phát triển kinh tế Việt Nam thích ứng với bối cảnh mới”*, Trường Đại học Tây Nguyên, Nhà xuất bản Tài chính, 601 – 611 (10/2022).
- Phạm Minh Tú (2022). Bảo vệ người tiêu dùng tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị đối với Việt Nam. Truy cập tại <https://tapchinganhang.gov.vn/bao-ve-nguoi-tieu-dung-tai-chinh-kinh-nghiem-quoc-te-va-khuyen-nghi-doi-voi-viet-nam.htm> ngày 04/9/2023
- Trần Thanh Thu và Đào Hồng Nhung (2020). Chương trình giáo dục tài chính quốc gia trong bối cảnh số hóa ngành Tài chính: Kinh nghiệm và đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 211 (10/2020), 71 – 84 truy cập tại https://hvn.edu.vn/medias/tapchi/vi/11.2020/system/archivedate/7bf6a0ab_B%C3%A0i%20c%E1%BB%A7a%20Tr%E1%BA%A7n%20Thanh%20Thu,%20%C4%90%C3%A0o%20H%E1%BB%93ng%20Nhung.pdf ngày 04/9/2023
- AFI (2017). *Defining financial inclusion*. Guideline Note No.28. truy cập tại https://www.afi-global.org/wp-content/uploads/publications/2017-07/FIS_GN_28_AW_digital.pdf ngày 19/7/2024
- Agnello, L., Mallick, S.K. and Sousa, R.M. (2012). Financial reforms and income inequality. *Economics Letters*, Vol. 116 No. 3, pp. 583-587
- Ashwini Sahu, Credit Suisse (2011). REPORT India: Privacy of Client Data. <https://www.centerforfinancialinclusion.org/india-privacy-of-client-data>
- Asli Demirgüç-Kunt and Klapper, L. (2012). Financial inclusion in Africa: An overview. doi:<http://hdl.handle.net/10986/9335>
- Bharadwaj, Prashant, and Tavneet Suri (2020). Improving Financial Inclusion through Digital Savings and Credit. *AEA Papers and Proceedings* 110 (May): 584–88.
- Bharadwaj, Prashant, William Jack, and Tavneet Suri (2019). Fintech and Household Resilience to Shocks: Evidence from Digital Loans in Kenya. NBER Working Paper 25604. *National Bureau of Economic Research*, Cambridge, MA.
- Breza, Emily, Martin Kanz, and Leora Klapper (2020). Learning to Navigate a New Financial Technology: Evidence from Payroll Accounts. NBER Working Paper 28249. *National Bureau of Economic Research*, Cambridge, MA.
- Brune, L., et al (2015). Facilitating Savings for Agriculture: Field Experimental Evidence from Malawi. *Economic Development and Cultural Change* 64 (2): 187–220.
- Centre for Excellence in Financial Inclusion (2018). *National Financial Inclusion Strategy 2016 – 2020*. Retrieved from http://mddb.apec.org/Documents/2018/SMEWG/DIA/18_smewg_dia_008.pdf
- Chibba, M. (2009). Financial inclusion, poverty reduction and the millennium development goals. *The European Journal of Development Research*, 21(2), 213-230
- Claessens, S. (2006). “Access to financial services: a review of the issues and public policy objectives”, *Oxford University Press on behalf of the World Bank, The World Bank*
- Claessens, S. and Perotti, E. (2007). Finance and inequality: channels and evidence. *Journal of Comparative Economics*, Vol. 35 No. 4, pp. 748-773.
- Claus Christensen (2020). The four eKYC models around the world from <https://www.regulationasia.com/the-four-e-kyc-models-around-the-world>
- Cámara, N. and Tuesta, D. (2014). Measuring financial inclusion: A multidimensional index. *BBVA*

Research Paper, (14/26)

- Demirgüç-Kunt et al (2022). *The Global Findex Database 2021: Financial Inclusion, Digital Payments, and Resilience in the Age of COVID-19*. Washington, DC: World Bank. doi:10.1596/978-1-4648-1897-4
- Dupas và Robinson (2013). Why don't the poor save more? - Evidence from health savings experiments, *American Economic Review* 2013, 103(4): 1138–1171 <http://dx.doi.org/10.1257/aer.103.4.1138>
- Erlando, A., Riyanto, F. D., & Masakazu, S. (2020). Financial inclusion, economic growth, and poverty alleviation: evidence from eastern Indonesia. *Heliyon*, 6(10), e05235
- Gradstein, Helen Luskin; Randall, Douglas and; Ardic Alper, Oya Pinar. *Developing and operationalizing a national financial inclusion strategy: toolkit (English)*. Washington, D.C.: World Bank Group. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/201761530163552405/Developing-and-operationalizing-a-national-financial-inclusion-strategy-toolkit>
- Kim, D.-W., Yu, J.-S., & Hassan, M. K. (2018). Financial inclusion and economic growth in OIC countries. *Research in International Business and Finance*, 43, 1–14. <https://doi.org/doi:10.1016/j.ribaf.2017.07.178>
- Leora Klapper, Dorothe Singer, and Saniya Ansar (2021). The Global Findex Database 2021 - Women and Financial Inclusion, from <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/45619be5de8592403df8558559627234-0050062022/original/Findex-GenderBrief.pdf>
- Leyshon, A., & Thrift, N.J. (1995). Geographies of financial exclusion: financial abandonment in Britain and the United States. *Transactions of the Institute of British Geographers, NS21*, 312 - 343.
- Mandira Sarma and Jesim Pais (2011). Financial Inclusion and Development, *Journal of International Development J. Int. Dev.* 23, 613–628 (2011) Published online 7 May 2010 in Wiley Online Library (wileyonlinelibrary.com) DOI: 10.1002/jid.1698
- Nanda, K. and Kaur, M. (2016). Financial inclusion and human development: a cross country evidence. *Management and Labour Studies*, Vol. 41 No. 2, pp. 127-153
- OECD (2013). Financial literacy and inclusion: Results of OECD/INFE survey across countries and by gender from https://www.oecd.org/daf/fin/financial-education/TrustFund2013_OECD_INFE_Fin_Lit_and_Incl_SurveyResults_by_Country_and_Gender.pdf
- OECD/G20 (2011). *G20 Financial Inclusion Indicators.*, Retrieved from <http://datatopics.worldbank.org/g20fidata/>
- OECD/INFE (2016). *International Survey of Adult Financial Literacy Competencies. Paris: OECD*. Retrieved from <https://www.oecd.org/financial/education/oecd-infe-survey-adult-financial-literacy-competencies.htm>
- Ozili P.K (2018). Impact of digital finance on financial inclusion and stability. *Borsa Istanbul Review* 18-4 (2018) 329-340
- Ozili, P. K., Ademiju, A., & Rachid, S. (2022). Impact of financial inclusion on economic growth: review of existing literature and directions for future research. *International Journal of Social Economics*, (ahead-of-print)
- Ozili, P. K., & Mhlanga, D. (2024). Why is financial inclusion so popular? An analysis of development buzzwords. *Journal of International Development*, 36(1), 231–253. <https://doi.org/10.1002/jid.3812>
- Park, C. Y., & Mercado J. R. (2018). Financial inclusion, poverty, and income inequality. *The Singapore Economic Review*, 63(1), 185-206.
- Park, C.Y. and Mercado, R.V. Jr (2015). “Financial inclusion, poverty, and income inequality in developing Asia”, No W426, *Asian Development Bank*, pp. 1-17.
- Rashi Sabherwal & Devesh Sharma & Neeraj Trivedi (2019). Using direct benefit transfers to transfer benefits to women: a perspective from India. *Development in Practice, Taylor & Francis Journals*, vol. 29(8), pages 1001-1013, November.
- Robert, K. W., Parris, T. M., & Leiserowitz, A. A. (2005). What is sustainable development? Goals, indicators, values, and practice. *Environment: Science and Policy for Sustainable Development*,

47(3), 8–21

- Sahay, R., Cihák, M., N'Diaye, P. and Barajas, A. (2015). “Rethinking financial deepening: stability and growth in emerging markets”, *Staff Discussion Notes*, Vol. 15 No. 8, pp. 73-107
- Sarah Hendriks (2019). The role of financial inclusion in driving women’s economic empowerment. *Development in Practice*, 29:8, 1029-1038, DOI: 10.1080/09614524.2019.1660308
- Satya Chakravaty and Rupayan Pal (2013). Financial Inclusion in India: An axiomatic approach, *Journal of Policy Modeling*, 2013, vol. 35, issue 5, 813-837
- Sethi, D., & Acharya, D. (2018). Financial inclusion and economic growth linkage: Some crosscountry evidence. *Journal of Financial Economic Policy*, 10(3), 369-385
- The Global Findex Database (2024). Retrieved from <https://www.findevgateway.org/data/global-findex-database>
- Thorsten Beck, Asli Demirgüç-Kunt and Maria Soledad Martinez Peria (2007). Banking Services for Everyone? Barriers to Bank Access and Use Around the World, World Bank Policy Research Working Paper 4079, December 2006, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=950134
- Thorsten Beck, Ross Levine and Norman Loayza (2000). Finance and the sources of growth, *Journal of Financial Economics*, 2000, vol. 58, issue 1-2, 261-300
- UN (2015). *2015 Global Sustainable Development Report*. UN, New York, 2015. Retrieved from <http://bit.ly/2015GSDR-pdf>
- UN (2024). *SDG Progress Report 2024*. UN, New York, 2024. Retrieved from <https://unstats.un.org/sdgs/files/report/2024/SG-SDG-Progress-Report-2024-advanced-unedited-version.pdf>
- World Bank (2017). *World Bank Annual Report 2017 (English)*. Washington, D.C.: World Bank Group. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/143021506909711004/World-Bank-Annual-Report-2017>
- World Bank (2022). *World Development Report 2022: Finance for an Equitable Recovery*. Washington, DC: World Bank. doi:10.1596/978-1-4648-1730-4
- World Bank (2022). *World Development Report 2022: Finance for an Equitable Recovery*. Washington, DC: World Bank. doi:10.1596/978-1-4648-1730-4
- Yoshino, Nayuki, Morgan, Peter, & Trinh, Q.L. (2017). Financial Literacy in Japan: Determinants and Impacts. *ADB Working Paper 796*.